**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**MÔN: TOÁN, KHỐI 7**

**(Áp dụng từ năm học 2020 – 2021)**

**Cả năm: 35 tuần, 140 tiết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cả năm 140 tiết** | **Đại số 70 tiết** | **Hình học 70 tiết** |
| Học kỳ I: 18 tuần, 72 tiết | 40 tiết  14 tuần đầu × 2 tiết = 28 tiết  4 tuần cuối × 3 tiết = 12 tiết | 32 tiết  14 tuần đầu × 2 tiết = 28 tiết  4 tuần cuối × 1 tiết = 4 tiết |
| Học kỳ II: 17 tuần, 68 tiết | 30 tiết  13 tuần đầu × 2 tiết = 26 tiết  4 tuần cuối × 1 tiết = 4 tiết | 38 tiết  13 tuần đầu × 2 tiết = 26 tiết  4 tuần cuối × 3 tiết = 12 tiết |

| **STT** | **Tên bài học/Chủ đề** | **Mạch nội dung kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng (Tiết theo PPCT)** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN ĐẠI SỐ** | | | | | | |
| **Chương I. Số hữu tỉ - Số thực** | | | | | | |
| 1 | Tập hợp Q các số hữu tỉ |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm số hữu tỉ; nhận biết được mối quan hệ giữa các tập số N; Z; Q.  ***Kỹ năng:***  - Biết cách biểu diễn một số hữu tỉ trên trục số; biết cách so sánh hai số hữu tỉ. | 1 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 2 | **Chủ đề: Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ** | - Cộng, trừ số hữu tỉ  - Nhân, chia số hữu tỉ  - Luyện tập | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được qui tắc cộng; trừ; nhân; chia số hữu tỉ.  - Củng cố qui tắc dâu ngoặc và qui tắc chuyển vế.  ***Kỹ năng:***  - Học sinh có kỹ năng thực hiện các phép tính cộng; trừ; nhân; chia số hữu tỉ.  - Vận dụng phép toán đã học để giải các bài toán liên quan. | 2; 3; 4 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 3 | Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ. Cộng, trừ, nhân , chia số thập phân  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ; biết cách tính cộng; trừ; nhân; chia số thập phân.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng thực hiện phép tính cộng; trừ; nhân chia với số thập phân.  - Kết hợp với GTTĐ của một số hữu tỉ giải quyết bài toán tổng hợp. | 5  6 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 4 | Luỹ thừa của một số hữu tỉ  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm lũy thừa của một số hữu tỉ; các phép tính nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số; lũy thừa của lũy thừa; lũy thừa của một tích, thương.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng thực hiện phép tính về lũy thừa của một số hữu tỉ.  - - Kết hợp với các phép tính cộng; trừ; nhân; chia số hữu tỉ giải quyết bài toán tổng hợp. | 7; 8  9 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 5 | Tỉ lệ thức  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm tỉ lệ thức; tính chất của tỉ lệ thức.  ***Kỹ năng:***  *-* Rèn luyện kỹ năng nhận biết tỉ lệ thức; vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tìm số chưa biêt; lập các tỉ lệ thức từ đẳng thức về tích. | 10  11 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 6 | Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.  ***Kỹ năng:***  - Vận dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để tìm số chưa biết; giải các bài toán chia tỉ lệ; chứng minh đẳng thức. | 12  13 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 7 | Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh biết các khái niệm số thập phân hữu hạn; số thập phân vô hạn tuần hoàn.  ***Kỹ năng:***  - Rèn cho học sinh kỹ năng chuyển từ phân số sang số thập phân và ngược lại. | 14 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 8 | Làm tròn số |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được quy ước làm tròn số.  ***Kỹ năng:***  *­­*- Học sinh biết cách làm tròn số trong khi giải toán. | 15 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 9 | Số vô tỉ. Khái niệm về căn bậc hai |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm số vô tỉ; khái niệm căn bậc hai.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng nhận biết số hữu tỉ; số vô tỉ.  - Rèn luyện kỹ năng tính toán về căn bậc hai. | 16 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 10 | Số thực  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được tập hợp số thực; so sánh với các tập hợp số khác đã học; biểu diễn số thực trên trục số.  ***Kỹ năng:***  - Rèn cho học sinh nhận biết số thực; so sánh các số thực. | 17  18 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 11 | Thực hành giải toán với sự trợ giúp  của máy tính Casio, Vinacal,...) |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh biết các nút chữa năng của máy tính cầm tay.  ***Kỹ năng:***  - Học sinh sử dụng máy tính cầm tay để giúp giải toán nhanh hơn. | 19 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 12 | Ôn tập Chương I |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện các kỹ năng giải toán:  +) Thực hiện phép tính.  +) Tìm số chưa biết.  +) Giải bài toán chia tỉ lệ.  +) Chứng minh đẳng thức | 20;21 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 13 | **Kiểm tra 45 phút (Chương I)** |  | **Kiến thức:** Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức sau khi học xong các nội dung của chương.  **Kỹ năng:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào giải toán, kỹ năng trình bày, lập luận, tính toán. | 22 | Kiểm tra viết |  |
| **Chương II. HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ** | | | | | | |
| 14 | Đại lượng tỉ lệ thuận | Đại lượng tỉ lệ thuận  Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận  Luyện tập | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận; tính chất của các đại lượng tỉ lệ thuận.  ***Kỹ năng:***  ***­***- Rèn luyện kỹ năng biểu diễn mối liên hệ giữa các đại lượng TLT.  - Rèn luyện kỹ năng vận dụng tính chất của đại lượng TLT để tính toán và giái các bài toán thực tế. | 23; 24;25 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 15 | Đại lượng tỉ lệ nghịch | Đại lượng tỉ lệ nghịch  Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch  Luyện tập | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm đại lượng tỉ lệ nghịch; tính chất của các đại lượng tỉ lệ nghịch.  ***Kỹ năng:***  ***­***- Rèn luyện kỹ năng biểu diễn mối liên hệ giữa các đại lượng TLN.  - Rèn luyện kỹ năng vận dụng tính chất của đại lượng TLN để tính toán và giái các bài toán thực tế. | 26; 27;28;29 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 16 | Hàm số  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm hàm số; cách cho hàm số và một số ký hiệu.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện cho HS kỹ năng nhận biết hàm số; Tính giá trị của hàm số. | 30  31 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân | *Giáo viên tự vẽ sơ đồ Ven và lấy ví dụ 1 như ví dụ phần khái niệm hàm số và đồ thị trong tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KTKN môn toán cấp THCS.* |
| 17 | Mặt phẳng tọa độ |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được mặt phẳng tọa độ; tọa độ của một điểm.  ***Kỹ năng:***  - Rèn cho học sinh kỹ năng xác định điểm trên mặt phẳng tọa độ Oxy khi biết tọa độ của nó; ngược lại khi biết điểm trên mặt phẳng tọa đồ thì xác định được tọa độ của điểm đó. | 32 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 18 | Đồ thị của hàm số y = ax (a≠0)  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm đồ thị của hàm số; đồ thị của hàm số y = ax ( a khác 0).  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng vẽ đồ thị của hàm số y = ax; biết xác định điểm thuộc đồ thị hàm số hay không thuộc đồ thị hàm số. | 33  34 |  | *Bỏ câu b và câu d ở bài tập 39 SGK trang 71.* |
| 19 | Ôn tập chương II |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương 2.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện các kỹ năng giải toán về:  +) Giải bài toán về đại lượng TLT  +) Giải bài toán về đại lượng TLT  +) Nhận biết hàm số.  +) Xác định và vẽ đồ thị của hàm số y = ax. | 35 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 20 | **Kiểm tra 45 phút (chương II)** |  | **Kiến thức:** Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức sau khi học xong các nội dung của chương II.  **Kỹ năng:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào giải toán, kỹ năng trình bày, lập luận, tính toán. | 36 | Kiểm tra viết |  |
| 21 | **Ôn tập học kỳ I** |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của học kỳ 1.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện các kỹ năng giải toán của chương 1  +) Thực hiện phép tính.  +) Tìm số chưa biết.  +) Chứng minh đẳng thức  - Rèn luyện các kỹ năng giải toán của chương 2.  +) Giải bài toán về đại lượng TLT  +) Giải bài toán về đại lượng TLT  +) Xác định và vẽ đồ thị của hàm số y = ax. | 37; 38 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 22 | **Kiểm tra học kỳ I: 90 phút (cả Đại số và Hình học)** |  | **Kiến thức:** Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức sau khi học xong các nội dung của học kỳ I.  **Kỹ năng:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào giải toán, kỹ năng trình bày, kỹ năng vẽ hình, lập luận, tính toán. | 39;40 | Kiểm tra viết |  |
| **HỌC KỲ II** | | | | | | |
| **Chương III. THỐNG KÊ** | | | | | | |
| 23 | Thu thập số liệu thống kê, tần số  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm về thu thập số liệu ban đầu; xác định dấu hiệu điều tra; giá trị của dấu hiệu; tần số của mỗi giá trị.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng xác định dấu hiệu; lập các bảng điều tra số liệu ban đầu; xác định số giá trị của viết các giá trị rồi tìm các tần số của mỗi giá trị. | 41  42 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 24 | Bảng "tần số" các giá trị của dấu hiệu |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được bảng “tần số” các giá trị của dấu hiệu.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng lập bảng tần số theo chiều ngang hoặc chiều dọc.  - Rèn luyện kỹ năng đọc số liệu rồi nêu nhận xét cho bảng “tần số ” đó. | 43 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 25 | Biểu đồ  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh biết cách vẽ biểu đồ đoạn thẳng;  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ đoạn thẳng một cách chính xác.  - Kết hợp với các kỹ năng lập bảng “tần số” để giải bài toán có số liệu từ Bảng thu thập số liệu ban đầu. | 44  45 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 26 | Số trung bình cộng  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh biết cách tính số TBC.  - Học sinh được củng cố các kiến thức đã học về thống kê.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng giải toán như: Nhận biết dấu hiệu; lập bảng “tần số”; vẽ biểu đồ; tính số TBC và nhận xét bảng số liệu đó. | 46  47 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 27 | **Ôn tập Chương III** |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng giải toán như: Nhận biết dấu hiệu; lập bảng “tần số”; vẽ biểu đồ; tính số TBC và nhận xét bảng số liệu đó. | 48;49 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 28 | **Kiểm tra 45 phút (Chương III)** |  | Kiểm tra đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc giải các dạng toán đã học trong chương 3. | 50 | Kiểm tra viết |  |
| **Chương IV. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ** | | | | | | |
| 29 | Khái niệm về biểu thức đại số |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm về biểu thức đại số; cách diễn đạt một BTĐS bằng lời, và ngược lại.  ***Kỹ năng:***  - Rèn cho học sinh kỹ năng viết biều thức đại số; vận dụng kiến thức vào trong một số tình huống thực tế. | 51 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 30 | Giá trị của một biểu thức đại số |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm giá trị của BTĐS.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng tính giá trị BTĐS; tìm GTLN, GTNN của một biểu thức đại số. | 52 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 31 | Đơn thức | - Đơn thức  - Đơn thức đồng dạng  - Luyện tập | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm đơn thức; đơn thức đồng dạng; quy tắc nhân đơn thức, cộng trừ đơn thức đồng dạng; xác định hệ số, phần biến và bậc của đơn thưc thu gọn.  ***Kỹ năng:***  - Rèn cho học sinh nhận biết đơn thức, đơn thức đồng dạng; thực hiện nhân đơn thức, cộng trừ đơn thức đồng dạng; xác định hệ số, phần biến và bậc của đơn thức thu gọn. | 53; 54;55 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 32 | Đa thức | - Đa thức  - Cộng, trừ đa thức  - Luyện tập | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm đa thức; quy tắc cộng, trừ đa thức; định bậc của đa thức.  ***Kỹ năng:***  - Rèn cho học sinh nhận biết đa thức; thực hiện phép cộng, trừ đa thức, bậc của đa thức. | 56; 57; 58 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 33 | Đa thức một biến | - Đa thức một biến  - Cộng, trừ đa thức một biến  - Nghiệm của đa thức một biến  - Luyện tập | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm đa thức một biến; quy tắc cộng, trừ đa thức một biến; nghiệm của đa thức một biến.  ***Kỹ năng:***  - Rèn cho học sinh nhận biết đa thức một biến; thực hiện phép cộng, trừ đa thức một biến, tìm nghiệm của đa thức một biến. | 59; 60; 61; 62; 63 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 34 | Ôn tập Chương IV |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng giải toán như:  +) Tính giá trị của biểu thức.  +) Nhân đơn thức, xác định hệ số, bậc của đơn thức.  +) Cộng, trừ đa thức.  +) Cộng trừ đa thức một biến.  +) Tìm nghiệm của đa thức một biến. | 64; 65 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 35 | **Kiểm tra 45 phút chương IV** |  | **Kiến thức:** Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức sau khi học xong các nội dung của chương IV.  **Kỹ năng:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào giải toán, kỹ năng trình bày, tính toán. | 66 | Kiểm tra viết |  |
| 36 | Ôn tập cuối năm phần Đại số |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của năm học.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng giải toán tương ứng với các đơn vị kiến thức đã học. | 67; 68 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 37 | **Kiểm tra cuối năm 90 phút (đại số và hình học)** |  | Kiểm tra đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc giải các dạng toán đã học trong chương trình toán lớp 7. | 69; 70 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| **HÌNH HỌC** | | | | | | |
| **Chương I. ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG** | | | | | | |
| 1 | Hai góc đối đỉnh  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm góc đối đỉnh và tính chất của nó.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng vẽ hình; nhận biết góc đối đỉnh; tính số đo của góc nhờ tính chất của hai góc đối đỉnh. | 1  2 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 2 | Hai đường thẳng vuông góc  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm hai đường thẳng vuông góc; cách vẽ hai đường thẳng vuông góc; ĐN đường trung trực của đoạn thẳng.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng vẽ hai đường thẳng vuông góc; vẽ đường trung trực của đoạn thẳng. | 3  4 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 3 | Các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm cặp góc so le trong; góc đồng vị; trong cùng phía và tính chất của chúng.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng nhận biết cặp góc so le trong, góc đồng vị, trong cùng phía.  - Rèn luyện kỹ năng vận dụng tính chất của các góc đó để tính số đo góc. | 5 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 4 | Hai đường thẳng song song  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh biết khái niệm hai đường thẳng song song; cách vẽ hai đường thẳng song song.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng chứng minh hai đường thẳng song song. | 6  7 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 5 | Tiên đề Ơclít về đường thẳng song song  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được Tiên đề Ơ-clit; tính chất của hai đường thẳng song song.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng nhận biết tiên đề Ơ-clit; tính số đo góc; nhận biết hai đường thẳng song song; chứng minh ba điểm thẳng hàng. | 8  9 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 6 | Từ vuông góc đến song song.  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được quan hệ từ vuông góc đến song song của hai đường thẳng; tính chất của ba đường thẳng song song.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng vẽ hai đường thẳng vuông góc; hai đường thẳng song song; chứng tỏ hai đường thẳng song song; tính số đo góc. | 10  11 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 7 | Định lí  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm về định lí, xác định được GT, KL của định lí; chứng minh định lí.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng xác định GT và KL của định lí; vẽ hình minh họa; chứng minh định lí. | 12  13 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 8 | **Ôn tập Chương I** |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương 1.  ***Kỹ năng:***  - Ôn tập cho học sinh các bài toán hình học của chương 1:  +) Vẽ hình  +) Tính số đo góc nhờ tính chất của góc đối đỉnh; hai đường thẳng song song.  +) Chứng minh hai đường thẳng song song; vuông góc. | 14; 15 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 9 | **Kiểm tra Chương I** |  | **Kiến thức:** Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức sau khi học xong các nội dung của chương I.  **Kỹ năng:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào giải toán, kỹ năng vẽ hình, trình bày, lập luận, tính toán. | 16 | Kiểm tr  tra viết |  |
| **Chương II. TAM GIÁC** | | | | | | |
| 10 | Tổng ba góc của một tam giác  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được định lí về tổng ba góc trong tam giác; góc ngoài của tam giác và tính chất của nó.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng vẽ hình chính xác, ghi được GT, KL của bài toán; Tính số đo góc. | 17  18 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 11 | Hai tam giác bằng nhau |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh hiểu được khái niệm hai tam giác bằng nhau, xác định chính xác các góc tương ứng, các cạnh tương ứng.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng tính số đo góc, độ dài cạnh nhờ hai tam giác bằng nhau. | 19 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 12 | **Các trường hợp bằng nhau của tam giác** | Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác cạnh-cạnh-cạnh (c.c.c) Trường hợp bằng nhau thứ hai của tam giác cạnh-góc-cạnh (c.g.c) Trường hợp bằng nhau thứ ba của tam giác góc-cạnh-góc (g.c.g)  Luyện tập | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được các định lí về trường hợp bằng nhau của hai tam giác.  ***Kỹ năng:***  - Rèn luyện kỹ năng chứng minh hai tam giác bằng nhau theo các trường hợp; tính số đo góc nhờ hai tam giác bằng nhau; chứng minh hai góc bằng nhau, chứng minh môt tia là tia phân giác của một góc.... | 20;21;22;23;24;  25;26;27;28;29 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 13 | **Ôn tập học kỳ I** |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của HK1.  ***Kỹ năng:***  +) Tính số đo góc, độ dài của đoạn thẳng nhờ tính chất của hai góc đối đỉnh, hai đường thẳng song song, hai tam giác bằng nhau.  +) Chứng minh hai góc bằng nhau.  +) Chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau.  +) Chứng minh hai đường thẳng song song, vuông góc.  +) Chứng minh ba điểm thẳng hàng. | 30; 31; 32 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| **HỌC KỲ II** | | | | | | |
| 14 | Tam giác cân  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Học sinh nắm được khái niệm tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều; tính chất và dấu hiệu nhận biết các loại tam giác đó.  ***Kỹ năng:***  - Nhận biết tam giác cân, vuông cân, tam giác đều.  - Vận dụng tính chất của các tam giác đó để tính độ dài đoạn thẳng; số đo góc; chứng minh tính song song và vuông góc. | 33  34; 35 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 15 | Định lý Pitago  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Nắm được định lí Py-ta-go; định lí Py-ta-go đảo.  ***Kỹ năng:***  - Tính độ dài của một cạnh trong tam giác vuông khi biết độ dài hai cạnh còn lại.  - Chứng minh một tam giác là tam giác vuông. | 36  37; 38 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 16 | Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông.  ***Kỹ năng:***  - Chứng minh hai tam giác vuông bằng nhau.  - Chứng minh hai đường thẳng vuông góc; hai đoạn thẳng bằng nhau; hai góc bằng nhau... | 39  40 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 17 | Thực hành ngoài trời (Đo khoảng cách giữa hai điểm không đo trực tiếp được) |  | ***Kiến thức:***  - Vận dụng kiến thức về hai tam giác bằng nhau để đo đạc khoảng cách giữa hai điểm hoặc chiều cao của một vật mà không thể đo được trực tiếp.  ***Kỹ năng:***  - Tính được khoảng cách giữa hai điểm trên thực tế; chiều cao của một đồ vật mà không đo trực tiếp. | 41, 42 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 18 | **Ôn tập Chương II** |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương.  ***Kỹ năng:***  - Chứng minh hai tam giác bằng nhau.  - Chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau; hai góc bằng nhau; hai đường thẳng vuông góc; hai đường thẳng song song.  - Tính số đo góc; độ dài đoạn thẳng. | 43; 44 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 19 | **Kiểm tra Chương II** |  | **Kiến thức:** Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức sau khi học xong các nội dung của chương II.  **Kỹ năng:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào giải toán, kỹ năng vẽ hình, trình bày, lập luận, tính toán. | 45 | Kiểm tra viết |  |
| **Chương III. QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ CỦA TAM GIÁC. CÁC ĐƯỜNG ĐỒNG QUY TRONG TAM GIÁC** | | | | | | |
| 20 | Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết được mối quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác.  ***Kỹ năng:***  - Biết so sánh các cạnh trong một tam giác khi biết số đo các góc trong tam giác đó.  - Biết so sánh các góc trong một tam giác khi biết độ dài các cạnh trong tam giác đó. | 46  47 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 21 | Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, đường xiên và hình chiếu  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết được đường vuông góc; đường xiên; hình chiếu của đường xiên kẻ từ một điểm đến một đường thẳng.  - Biết được tính chất về mối quan hệ giữa các đường đó.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng so sánh đoạn thẳng. | 48;49  50 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 22 | Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác. Bất đẳng thức tam giác  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết được định lí và hệ quả về quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác. .  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng nhận biết ba độ dài có tạo thành một tam giác hay không.  - Kỹ năng chứng minh các bất đẳng thức hình học nhờ BĐT tam giác. | 51  52;53 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 23 | Tính chất ba trung tuyến của tam giác  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết khái niệm đường trung tuyến của tam giác; tính chất ba đường trung tuyến của tam giác.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng TC ba đường trung tuyến của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng ; chứng minh đẳng thức hình học. | 54  55 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 24 | Tính chất tia phân giác của một góc  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết tính chất tia phân giác của một góc.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng TC tia phân giác của một góc chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau; hai góc bằng nhau; một tia là tia phân giác của một góc. | 56  57 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 25 | Tính chất ba đường phân giác của tam giác  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết khái niệm đường phân giác của tam giác; tính chất ba đường phân giác của tam giác.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng TC ba đường phân giác tam giác để chứng minh một tia là tia phân giác của một góc; tính độ dài đoạn thẳng ; chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau; đặc biệt là áp dụng vào tam giác cân, tam giác vuông cân hoặc tam giác đều. | 58  59;60 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 26 | Tính chất đường trung trực của một đoạn thẳng  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết tính chất đường trung trực của một đoạn thẳng.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng đường trung trực của một đoạn thẳng chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau; hai góc bằng nhau; ... | 61  62 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 27 | Tính chất ba đường trung trực của tam giác  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết khái niệm đường trung trực của tam giác; tính chất ba đường trung trực của tam giác.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng TC ba đường trung trực của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng ; chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau; đặc biệt là áp dụng vào tam giác cân, tam giác vuông cân hoặc tam giác đều. | 63  64;65 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 28 | Tính chất ba đường cao của tam giác  Luyện tập |  | ***Kiến thức:***  - Biết khái niệm đường cao của tam giác; tính chất ba đường cao của tam giác.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng TC ba đường cao của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng; chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau; vận dụng vào tam giác cân, nhận biết tam giác cân. | 66  67 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 29 | Ôn tập Chương III |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương 3.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng quan hệ giữa góc và cạnh; giữa đường vuông góc và đường xiên; đường xiên và hình chiếu; BĐT tam giác vào giải toán.  - Kỹ năng vận dụng TC ba đường trung tuyến, ba đường phân giác, ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng; chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau; vận dụng vào tam giác cân, nhận biết tam giác cân. | 68 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |
| 30 | Ôn tập cuối năm |  | ***Kiến thức:***  - Hệ thống hóa kiến thức của chương trình hình học 7.  ***Kỹ năng:***  - Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào giải bài toán hình học có tính chất tổng hợp. | 69;70 | Hoạt động theo nhóm, hoạt động cá nhân |  |